

Số: 1528/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 10 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023 - 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023 - 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Giao Sở Công Thương là cơ quan đầu mối phối hợp, theo dõi, đôn đốc các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Bộ Công Thương, Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Công Thương (b/c);
- BCĐ LN hội nhập quốc tế về kinh tế;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- BLĐ VP.UBND tỉnh;
- Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, KT. 04



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quỳnh Thiện

tâm như nâng cao hiệu quả công tác hội nhập quốc tế; tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, phát triển nhanh và bền vững; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế để kinh tế của tỉnh phát triển nhanh và bền vững; công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, đời sống Nhân dân được nâng lên; phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; ưu tiên hội nhập quốc tế trong các ngành, lĩnh vực có thế mạnh.

b) Mục tiêu cụ thể

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Kế hoạch số 33-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện chiến lược và nhiệm vụ trọng tâm về hội nhập quốc tế; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05 tháng 11 năm 2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và các kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành thực hiện các Hiệp định thương mại tự do.

- Nâng cao chất lượng công tác hội nhập quốc tế nói chung và hội nhập kinh tế nói riêng góp phần phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế để kinh tế của tỉnh phát triển nhanh và bền vững; thu hẹp khoảng cách phát triển so với các tỉnh, thành trong nước.

- Đẩy mạnh hợp tác và huy động các nguồn lực, các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tranh thủ với các Bộ, ngành Trung ương để thu hút các nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vận động thu hút các tổ chức phi chính phủ (NGO) đầu tư, tài trợ xây dựng các công trình, dự án an sinh xã hội, phát triển cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

- Chủ động ứng phó, xử lý linh hoạt, hiệu quả trước các diễn biến đe dọa ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu, giao dịch thương mại và hội nhập kinh tế quốc tế của các ngành kinh tế; áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, phát huy thế mạnh của Hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng nhằm bảo vệ doanh nghiệp phù hợp với các cam kết quốc tế; xây dựng môi trường cạnh tranh về năng lực và sản phẩm của doanh nghiệp, tạo điều kiện để các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển ổn định, vững chắc và lâu dài.

- Phân công cán bộ, công chức, viên chức phụ trách công tác hội nhập quốc tế tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Bộ, ngành Trung ương và địa phương tổ chức nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế số, xã hội số của Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 như Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Nghị quyết số 09/NQ-TU ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030

trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc truyền thông nâng cao nhận thức về chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 88-KH/UBND ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Đề án nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, chú trọng triển khai thực hiện có hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế; chủ động, linh hoạt tập trung khai thác hiệu quả các FTA nhằm mở rộng và đa dạng hóa thị trường thị trường xuất khẩu, không bị động vào thị trường tiêu thụ các sản phẩm của doanh nghiệp; nắm thông tin và theo dõi các cuộc đàm phán, ký kết, của lãnh đạo Nhà nước ta với các nước và thực hiện có hiệu quả các FTA; nghiên cứu, tham gia các khuôn khổ hợp tác liên kết trong các lĩnh vực mới như kinh tế số, chuyển đổi số an toàn, tin cậy, chuyển đổi năng lượng, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, chuỗi cung ứng tự cường và bền vững.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Cải cách, hoàn thiện thể chế kinh tế

a) Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chính sách tại địa phương để thực hiện đầy đủ, tương thích với các nghĩa vụ và cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt với các FTA thế hệ mới theo lộ trình đã đề ra; tận dụng tối đa không gian chính sách mà Việt Nam được phép trong các cam kết để tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể của Việt Nam.

b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp quy hiện hành đảm bảo tính đồng bộ để chủ động thực hiện hoặc kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ hay ban hành mới các văn bản pháp luật để thực hiện các nghĩa vụ và cam kết hội nhập kinh tế quốc tế nhằm duy trì môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi. Tập trung khắc phục kịp thời những hạn chế, bất cập về cơ chế, chính sách, quy định của pháp luật trong các lĩnh vực thuế, đầu tư, thương mại, môi trường, quản lý thị trường,... nhằm giải phóng các nguồn lực cho phát triển, đảm bảo hiệu quả quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

c) Triển khai mạnh mẽ cải cách thủ tục hành chính nhất là các thủ tục liên quan đến đầu tư, xuất nhập khẩu, thuế,... cắt giảm các điều kiện kinh doanh bất hợp lý, các thủ tục không cần thiết để đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình tra cứu và thực thi.

d) Triển khai thực thi các chiến lược, chương trình hành động, kế hoạch, đề án về hội nhập kinh tế quốc tế từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đảm bảo nâng cao mức độ và chất lượng hội nhập kinh tế quốc tế để mở rộng thị trường, tranh thủ nguồn vốn, tài sản trí tuệ, công nghệ, kiến thức và kỹ năng quản lý từ các nước; đồng thời, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, công chức, viên chức tham mưu triển khai công tác hội nhập tại địa phương.

đ) Nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức tại các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị có liên quan, doanh nghiệp và người dân về hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng và hội nhập quốc tế nói chung, đặc biệt là cơ hội, thách thức và những yêu cầu cần đáp ứng khi thực thi các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế nhằm tạo sự đồng thuận cao và tham gia hiệu quả vào quá trình hội nhập.

e) Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách để bố trí kinh phí thực hiện đầy đủ cam kết hội nhập quốc tế.

2. Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh

a) Đẩy mạnh cải thiện môi trường kinh doanh, đảm bảo tính bình đẳng, minh bạch, hiệu quả, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh mang đến sự ổn định và dễ dự đoán của chính sách; đưa ra các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, thực chất hơn để giải quyết triệt để những vấn đề còn vướng mắc đối với môi trường kinh doanh; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan đối với từng lĩnh vực phụ trách, khắc phục tình trạng thiếu kết nối, phối hợp trong quá trình triển khai thực hiện; phân định trách nhiệm rõ ràng đối với các cơ quan, đơn vị chủ trì để doanh nghiệp và người dân biết, giám sát chặt chẽ việc triển khai; tổ chức thực hiện thực chất, hiệu quả các quy định pháp luật nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tại địa phương phát triển ổn định, tăng năng suất, chất lượng, tạo nền tảng, đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài, tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế.

b) Hỗ trợ phát triển các sản phẩm chủ lực của địa phương, sản phẩm có triển vọng xuất khẩu nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu có chiều sâu, hiệu quả và bền vững lâu dài.

c) Triển khai hoặc phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương có liên quan, các tỉnh, thành trong nước thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, du lịch, xây dựng thương hiệu; phát triển thương mại điện tử để tăng cường khả năng giao dịch, tìm kiếm, mở rộng thị trường; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài trong việc phối hợp với cộng đồng doanh nghiệp và các cơ quan có liên quan trong và ngoài nước để mở rộng thị trường xuất khẩu, xúc tiến thương mại, du lịch và thu hút đầu tư; hỗ trợ bảo vệ quyền lợi của các doanh nghiệp trong các vụ tranh chấp thương mại.

d) Tổ chức tập huấn, tuyên truyền nhằm nâng cao năng lực thực thi cam kết thương mại, các quy định thị trường (an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn kỹ thuật,...) cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh năm. Thực hiện tốt Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 78/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản

phẩm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh để hỗ trợ và tạo nguồn lực cho các chủ thể tham gia kênh tiêu thụ nông sản thời gian tới.

đ) Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025 góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả và bảo đảm mục tiêu quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp.

e) Tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, khu kinh tế; đặc biệt các dự án thuộc ngành, lĩnh vực mà tỉnh ưu tiên thu hút đầu tư, các dự án công nghệ cao, tiết kiệm nguyên vật liệu, áp dụng các mô hình, phương thức quản lý tiên tiến và thân thiện với môi trường.

g) Tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số theo Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc truyền thông nâng cao nhận thức về chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2959/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1987/KH-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030. Phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan quản lý nhà nước một cách tập trung, thông suốt; thiết kế đồng bộ, xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống tích hợp, kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu lớn để phục vụ tốt hơn cho các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025.

h) Đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số ngành ngân hàng và tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của khách hàng trong lĩnh vực thanh toán; xử lý nghiêm các tổ chức tín dụng yếu kém và nợ xấu; phối hợp triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

i) Thực hiện cập nhật đầy đủ, kịp thời các dữ liệu liên quan tới dịch vụ công; chú trọng các dịch vụ công thiết thực đối với người dân, cung cấp hạ tầng cho thúc đẩy kinh doanh thương mại điện tử và thực hiện có hiệu quả.

3. Thực thi hiệu quả các FTA

a) Rà soát, khắc phục sự chồng chéo giữa các Sở, ban, ngành tỉnh và các đơn vị liên quan trong việc triển khai các nhiệm vụ liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế, phát huy hiệu quả vai trò của Sở Công Thương trong việc thực thi các cam kết FTA; xác định rõ vai trò và trách nhiệm của các bên trong việc xây dựng

và triển khai các chiến lược, đề án, chương trình hành động phát triển kinh tế có liên quan và tác động đến nhiều Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan.

b) Tiếp tục thực thi đầy đủ, nghiêm túc các cam kết về hội nhập kinh tế quốc tế và các cam kết trong các FTA; đặc biệt là kế hoạch thực thi các FTA thế hệ mới như Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ (CPTPP); Quyết định số 3000/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 1082/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương Quốc Anh và Bắc Ailen (UKVFTA) của tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Hiệp định đối tác Kinh tế Toàn diện khu vực (Hiệp định RCEP) của tỉnh Trà Vinh,... nhằm tận dụng ưu đãi trong các FTA để thúc đẩy xuất khẩu, mở rộng thị trường.

c) Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao năng lực về phòng vệ thương mại trong bối cảnh tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Hỗ trợ cho các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về mặt chính sách để phát triển nguồn nguyên liệu trong nước giúp doanh nghiệp đáp ứng quy tắc xuất xứ, tận dụng tốt hơn các cơ hội mang lại từ các FTA, đặc biệt là các FTA thế hệ mới.

d) Đổi mới hình thức, nội dung tuyên truyền, phổ biến về các FTA; phối hợp với Bộ Công Thương tiếp nhận, vận hành, nâng cấp và phát triển Cổng thông tin điện tử Hiệp định thương mại tự do của Việt Nam (FTAP) nhằm kết nối doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện các FTA.

4. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hậu COVID-19 và phát triển bền vững

a) Chỉ đạo Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan xây dựng kịch bản ứng phó/thích ứng hiệu quả với các tình huống thiên tai, dịch bệnh,... trong thời gian tới. Tiến hành các biện pháp nhằm phục hồi chuỗi cung ứng, bảo đảm lưu thông hàng hoá, hoạt động sản xuất, kinh doanh an toàn, thông suốt của doanh nghiệp trong điều kiện bình thường mới; cải thiện năng lực cạnh tranh của các ngành có nguy cơ suy giảm xuất khẩu sau đại dịch; tận dụng các cơ hội nhất định từ quá trình tái cơ cấu chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu hậu COVID-19 để tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp vào các chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu; tận dụng làn sóng dịch chuyển đầu tư hậu COVID-19 để thu hút đầu tư nước ngoài.

b) Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm thực chất, hiệu quả; thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững, tăng trưởng xanh trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô; tổ chức thực

hiện tốt kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng giai đoạn 2021 - 2025; giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, xã hội; đảm bảo an sinh xã hội cho người dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế.

c) Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển dịch vụ logistics tỉnh Trà Vinh đến năm 2025; Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi Kế hoạch phát triển dịch vụ logistics tỉnh Trà Vinh đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp với Bộ, ngành Trung ương có liên quan trong việc đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm qua địa bàn tỉnh như cầu Đại Ngãi; nâng cấp đồng bộ các tuyến Quốc lộ 53B, Quốc lộ 54, Quốc lộ 60; luồng Định An - Cần Thơ; cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng; cao tốc Hồng Ngự - Trà Vinh; tuyến đường hành lang ven biển trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; triển khai có hiệu quả Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

d) Tiếp tục thực hiện hiệu quả các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh, khắc phục các tác động tiêu cực của dịch bệnh COVID-19, tạo cơ hội việc làm cho nhóm đối tượng dễ bị tổn thương; xây dựng phương án phục hồi thị trường lao động giai đoạn hậu COVID-19 đảm bảo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp phục hồi sản xuất. Triển khai thực hiện Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thực hiện Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh.

đ) Quan tâm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách để thu hút, kêu gọi đầu tư, khuyến khích các phương thức đầu tư, mô hình kinh doanh mới, xanh, ít phát thải, có sự tham gia của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, đầu tư tư nhân, nhất là phát huy hiệu quả mô hình hợp tác công - tư vào đầu tư cơ sở hạ tầng; bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của doanh nghiệp đầu tư; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và người lao động.

e) Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo, chú trọng đào tạo nhân lực số, lao động có kỹ năng, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, sẵn sàng đón nhận xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

g) Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; chú trọng phát triển bền vững, xác định rõ và tập trung thực hiện đồng bộ hài hòa các mục tiêu về kinh tế, xã hội và môi trường; thực hiện tốt các cam kết quốc tế liên quan đến môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030. Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2152/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án kéo dài thời gian thực hiện Quyết định số 2214/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

h) Gắn kết giữa chính quyền với doanh nghiệp trong lĩnh vực hội nhập quốc tế về kinh tế trong lĩnh vực doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến doanh nghiệp về các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về hội nhập quốc tế về kinh tế.

5. Hội nhập toàn diện trên các lĩnh vực văn hóa xã hội, khoa học, công nghệ, an ninh quốc phòng

a) Thực hiện tốt công tác dự báo, phân tích, đánh giá và nhận định đúng, đầy đủ, kịp thời tình hình thế giới và khu vực, nhất là những biến động lớn ảnh hưởng trực tiếp đến nước ta và của tỉnh để kiến nghị các cơ quan Trung ương có những quyết sách và hành động nhanh chóng, quyết liệt và phù hợp; gắn kết hài hòa giữa hội nhập quốc tế với đổi mới trong nước; phát huy tối đa và kết hợp chặt chẽ, hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước.

b) Tăng cường nghiên cứu, tìm hiểu các xu thế phát triển, các sáng kiến mới, chính sách và kinh nghiệm trong quá trình hội nhập. Nghiên cứu các hoạt động hội nhập trong lĩnh vực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và chuyển đổi công nghệ tiên tiến; đẩy mạnh hoạt động sở hữu trí tuệ, công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng,... để phục vụ có hiệu quả hơn cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Kịp thời nắm tình hình, phát hiện, đấu tranh số đối tượng lợi dụng không gian mạng hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, phá hoại chủ trương, chính sách hội nhập quốc tế của Đảng, Nhà nước; phát hiện, đấu tranh vô hiệu hóa hoạt động các trang, công thông tin điện tử có nội dung phản động, xuyên tạc, kích động chống phá Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế; củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn; chủ động giải quyết có

hiệu quả, ổn định ngay tại cơ sở các vụ việc phức tạp không để hình thành “điểm nóng” về an ninh trật tự; quán triệt nâng cao nhận thức cho cán bộ công chức, viên chức về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác bảo đảm an ninh trong quá trình hội nhập. Tạo môi trường hòa bình, ổn định, thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài hợp tác kinh doanh lâu dài có mong muốn đầu tư tại tỉnh Trà Vinh; tạo điều kiện, cơ hội cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với bảo vệ, phát triển bền vững, hiệu quả ở các vùng, khu vực quan trọng tại địa phương; giữ vững ổn định chính trị, an ninh quốc gia trong các mối quan hệ quốc tế, bảo đảm kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển với tăng cường mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế.

d) Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Đề án số 05-ĐA/TU ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị tỉnh Trà Vinh theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Quyết định số 638/QĐ-UBND và Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; Kế hoạch số 139-KH/TU ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch này từ các nguồn: Ngân sách nhà nước bố trí trong nguồn kinh phí ngân sách hàng năm theo khả năng cân đối ngân sách, nguồn xã hội hóa, nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành của Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự toán kinh phí chi tiết để thực hiện (lồng ghép vào dự toán sự nghiệp hàng năm của cơ quan, đơn vị) gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan căn cứ nhiệm vụ của Kế hoạch này, chủ động xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện. Định kỳ hàng năm trước ngày 15/11 hoặc đột xuất báo cáo kết quả triển khai thực hiện gửi về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương, Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Giao Sở Công Thương là cơ quan đầu mối đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch này, định kỳ hàng năm hoặc đột xuất tổng hợp báo cáo Bộ Công Thương, Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền hoặc cần điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch này cho phù hợp với quy định hiện hành, các đơn vị phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ
(Kèm theo Quyết định số **1528/QĐ-UBND** ngày **10** tháng 10 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT	NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	Cải cách, hoàn thiện thể chế kinh tế			
1.1	Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chính sách tại địa phương để thực hiện đầy đủ, tương thích với các nghĩa vụ và cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt với các FTA thế hệ mới theo lộ trình đã đề ra; tận dụng tối đa không gian chính sách mà Việt Nam được phép trong các cam kết để tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể của Việt Nam	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Khi có văn bản chỉ đạo
1.2	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp quy hiện hành đảm bảo tính đồng bộ để chủ động thực hiện hoặc kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ hay ban hành mới các văn bản pháp luật để thực hiện các nghĩa vụ và cam kết hội nhập kinh tế quốc tế nhằm duy trì môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi	Sở Công Thương	Sở Tư pháp	Thường xuyên
1.3	Tập trung khắc phục kịp thời những hạn chế, bất cập về cơ chế, chính sách, quy định của pháp luật trong các lĩnh vực thuế, đầu tư, thương mại, môi trường, quản lý thị trường,... nhằm giải phóng các nguồn lực cho phát triển, đảm bảo hiệu quả quá trình hội nhập kinh tế quốc tế	Các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan	Thường xuyên
1.4	Triển khai mạnh mẽ cải cách thủ tục hành chính nhất là các thủ tục liên quan đến đầu tư, xuất nhập khẩu, thuế,... cắt giảm các điều kiện kinh doanh bất hợp lý, các thủ tục không cần thiết để	Các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và Ủy ban nhân dân	Các đơn vị có liên quan	Thường xuyên

STT	NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
	đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình tra cứu và thực thi	các huyện, thị xã, thành phố		
1.5	Triển khai thực thi các chiến lược, chương trình hành động, kế hoạch, đề án về hội nhập kinh tế quốc tế từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đảm bảo nâng cao mức độ và chất lượng hội nhập kinh tế quốc tế để mở rộng thị trường, tranh thủ nguồn vốn, tài sản trí tuệ, công nghệ, kiến thức và kỹ năng quản lý từ các nước; đồng thời, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, công chức, viên chức tham mưu triển khai công tác hội nhập tại địa phương	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Khi có văn bản chỉ đạo
1.6	Nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức tại các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị có liên quan, doanh nghiệp và người dân về hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng và hội nhập quốc tế nói chung, đặc biệt là cơ hội, thách thức và những yêu cầu cần đáp ứng khi thực thi các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế nhằm tạo sự đồng thuận cao và tham gia hiệu quả vào quá trình hội nhập	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
1.7	Trên cơ sở đề xuất của các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố. Sở Tài chính tham mưu cấp thẩm quyền bố trí kinh phí sự nghiệp thực hiện nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch này theo khả năng cân đối ngân sách tỉnh	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
2	Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh			

STT	NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
2.1	<p>Đẩy mạnh cải thiện môi trường kinh doanh, đảm bảo tính bình đẳng, minh bạch, hiệu quả, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh mang đến sự ổn định và dễ dự đoán của chính sách; đưa ra các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, thực chất hơn để giải quyết triệt để những vấn đề còn vướng mắc đối với môi trường kinh doanh; tổ chức thực hiện thực chất, hiệu quả các quy định pháp luật nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tại địa phương phát triển ổn định, tăng năng suất, chất lượng, tạo nền tảng, đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài, tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế</p>	<p>Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan</p>	<p>Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố</p>	<p>Thường xuyên</p>
2.2	<p>Hỗ trợ phát triển các sản phẩm chủ lực của địa phương, sản phẩm có triển vọng xuất khẩu nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu có chiều sâu, hiệu quả và bền vững lâu dài</p>	<p>Sở Công Thương</p>	<p>Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố</p>	<p>Hàng năm</p>
2.3	<p>Triển khai hoặc phối hợp thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, du lịch, xây dựng thương hiệu; phát triển thương mại điện tử để tăng cường khả năng giao dịch, tìm kiếm, mở rộng thị trường; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài trong việc phối hợp với cộng đồng doanh nghiệp và các cơ quan có liên quan trong và ngoài nước để mở rộng thị trường xuất khẩu, xúc tiến thương mại, du lịch và thu hút đầu tư; hỗ trợ bảo vệ quyền lợi của các doanh nghiệp trong các vụ tranh chấp thương mại</p>	<p>Sở Công Thương</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông</p>	<p>Thường xuyên</p>

STT	NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
2.4	Tổ chức tập huấn, tuyên truyền nhằm nâng cao năng lực thực thi cam kết thương mại, các quy định thị trường (an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn kỹ thuật,...) cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh năm. Thực hiện tốt Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 78/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh để hỗ trợ và tạo nguồn lực cho các chủ thể tham gia kênh tiêu thụ nông sản thời gian tới	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
2.5	Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025 góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả và bảo đảm mục tiêu quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
2.6	Tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, khu kinh tế; đặc biệt các dự án thuộc ngành, lĩnh vực mà tỉnh ưu tiên thu hút đầu tư, các dự án công nghệ cao, tiết kiệm nguyên vật liệu, áp dụng các mô hình, phương thức quản lý tiên tiến và thân thiện với môi trường	Ban Quản lý Khu kinh tế	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
2.7	Triển khai thực hiện Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban	Hàng năm

STT	NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
	trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc truyền thông nâng cao nhận thức về chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1987/KH-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030. Phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan quản lý nhà nước một cách tập trung, thông suốt; thiết kế đồng bộ, xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống tích hợp, kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu lớn để phục vụ tốt hơn cho các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế		nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	
2.8	Triển khai thực hiện Quyết định số 2959/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
2.9	Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
2.10	Đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số ngành ngân hàng và tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của khách hàng trong lĩnh vực thanh toán; xử lý nghiêm các tổ	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Trà Vinh	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban	Hàng năm

STT	NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
	chức tín dụng yếu kém và nợ xấu; phối hợp triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh		nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	
2.11	Thực hiện cập nhật đầy đủ, kịp thời các dữ liệu liên quan tới dịch vụ công; chú trọng các dịch vụ công thiết thực đối với người dân, cung cấp hạ tầng cho thúc đẩy kinh doanh thương mại điện tử và thực hiện có hiệu quả	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
3	Thực thi hiệu quả các FTA			
3.1	Rà soát, khắc phục sự chông chéo giữa các Sở, ban, ngành tỉnh và các đơn vị liên quan trong việc triển khai các nhiệm vụ liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế, phát huy hiệu quả vai trò của Sở Công Thương trong việc thực thi các cam kết FTA	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
3.2	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục thực thi đầy đủ, nghiêm túc các cam kết về hội nhập kinh tế quốc tế và các cam kết trong các FTA; đặc biệt là kế hoạch thực thi các FTA thế hệ mới. - Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án nâng cao năng lực về phòng vệ thương mại trong bối cảnh tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. - Đổi mới hình thức, nội dung tuyên truyền, phổ biến về các FTA; phối hợp với Bộ Công Thương tiếp nhận, vận hành, nâng 	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên

STT	NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
	cấp và phát triển Công thông tin điện tử Hiệp định thương mại tự do của Việt Nam (FTAP) nhằm kết nối doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình thực hiện các FTA.			
3.3	Hỗ trợ cho các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về mặt chính sách để phát triển nguồn nguyên liệu trong nước giúp doanh nghiệp đáp ứng quy tắc xuất xứ, tận dụng tốt hơn các cơ hội mang lại từ các FTA, đặc biệt là các FTA thế hệ mới	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
4	Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hậu COVID-19 và phát triển bền vững			
4.1	Xây dựng kịch bản ứng phó/thích ứng hiệu quả với các tình huống thiên tai, dịch bệnh,... trong thời gian tới. Tiến hành các biện pháp nhằm phục hồi chuỗi cung ứng, bảo đảm lưu thông hàng hoá, hoạt động sản xuất, kinh doanh an toàn, thông suốt của doanh nghiệp trong điều kiện bình thường mới; cải thiện năng lực cạnh tranh của các ngành có nguy cơ suy giảm xuất khẩu sau đại dịch; tận dụng các cơ hội nhất định từ quá trình tái cơ cấu chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu hậu COVID-19 để tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp vào các chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu; tận dụng làn sóng dịch chuyển đầu tư hậu COVID-19 để thu hút đầu tư nước ngoài	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
4.2	Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm thực chất, hiệu quả; thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững, tăng trưởng xanh trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô; tổ chức thực hiện tốt kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng giai đoạn 2021 - 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm

STT	NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
4.3	- Triển khai có hiệu quả Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. - Giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, xã hội; đảm bảo an sinh xã hội cho người dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế.	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
4.4	Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển dịch vụ logistics tỉnh Trà Vinh đến năm 2025; Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi Kế hoạch phát triển dịch vụ logistics tỉnh Trà Vinh đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
4.5	Phối hợp với Bộ, ngành Trung ương có liên quan trong việc đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm qua địa bàn tỉnh như cầu Đại Ngãi; nâng cấp đồng bộ các tuyến Quốc lộ 53B, Quốc lộ 54, Quốc lộ 60; luồng Định An - Cần Thơ; cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng; cao tốc Hồng Ngự - Trà Vinh; tuyến đường hành lang ven biển trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Sở Giao thông vận tải	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
4.6	Tiếp tục thực hiện hiệu quả các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh, khắc phục các tác động tiêu cực của dịch bệnh COVID-19, tạo cơ hội việc làm cho nhóm đối tượng dễ bị tổn thương	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên

STT	NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
4.7	Xây dựng phương án phục hồi thị trường lao động giai đoạn hậu COVID-19 đảm bảo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp phục hồi sản xuất. Triển khai thực hiện Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan	Hàng năm
4.8	Triển khai thực hiện Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thực hiện Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
4.9	Quan tâm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách để thu hút, kêu gọi đầu tư, khuyến khích các phương thức đầu tư, mô hình kinh doanh mới, xanh, ít phát thải, có sự tham gia của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, đầu tư tư nhân, nhất là phát huy hiệu quả mô hình hợp tác công - tư vào đầu tư cơ sở hạ tầng; bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của doanh nghiệp đầu tư; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và người lao động	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan	Thường xuyên

STT	NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
4.10	Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bút phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
4.11	Phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo, chú trọng đào tạo nhân lực số, lao động có kỹ năng, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, sẵn sàng đón nhận xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
4.12	Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; chú trọng phát triển bền vững, xác định rõ và tập trung thực hiện đồng bộ hài hòa các mục tiêu về kinh tế, xã hội và môi trường; thực hiện tốt các cam kết quốc tế liên quan đến môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
4.13	Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2152/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án kéo dài thời gian thực hiện Quyết định số 2214/QĐ-TTg ngày	Ban Dân tộc tỉnh	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các	Hàng năm

STT	NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
	14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh		huyện, thị xã, thành phố	
4.14	Gắn kết giữa chính quyền với doanh nghiệp trong lĩnh vực hội nhập quốc tế về kinh tế trong lĩnh vực doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến doanh nghiệp về các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về hội nhập quốc tế về kinh tế	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
5	Hội nhập toàn diện trên các lĩnh vực văn hóa xã hội, khoa học, công nghệ, an ninh quốc phòng			
5.1	Thực hiện tốt công tác dự báo, phân tích, đánh giá và nhận định đúng, đầy đủ, kịp thời tình hình thế giới và khu vực, nhất là những biến động lớn ảnh hưởng trực tiếp đến nước ta và của tỉnh để kiến nghị các cơ quan Trung ương có những quyết sách và hành động nhanh chóng, quyết liệt và phù hợp; gắn kết hài hòa giữa hội nhập quốc tế với đổi mới trong nước; phát huy tối đa và kết hợp chặt chẽ, hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
5.2	Thực hiện các giải pháp nhằm phát huy giá trị văn hóa đặc trưng của tỉnh, tăng cường hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, xã hội; chủ động tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan	Thường xuyên

STT	NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
	quảng bá, giới thiệu về truyền thống văn hóa, lịch sử con người Trà Vinh với các tổ chức quốc tế			
5.3	Tăng cường nghiên cứu, tìm hiểu các xu thế phát triển, các sáng kiến mới, chính sách và kinh nghiệm trong quá trình hội nhập	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
5.4	Nghiên cứu các hoạt động hội nhập trong lĩnh vực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và chuyên đổi công nghệ tiên tiến; đẩy mạnh hoạt động sở hữu trí tuệ, công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng,... để phục vụ có hiệu quả hơn cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên
5.5	Kịp thời nắm tình hình, phát hiện, đấu tranh số đối tượng lợi dụng không gian mạng hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, phá hoại chủ trương, chính sách hội nhập quốc tế của Đảng, Nhà nước; phát hiện, đấu tranh vô hiệu hóa hoạt động các trang, cổng thông tin điện tử có nội dung phản động, xuyên tạc, kích động chống phá Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế; củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn; chủ động giải quyết có hiệu quả, ổn định ngay tại cơ sở các vụ việc phức tạp không để hình thành “điểm nóng” về an ninh trật tự; quán triệt nâng cao nhận thức cho cán bộ công chức, viên chức về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác bảo đảm an ninh trong quá trình hội nhập. Tạo môi trường hòa bình, ổn định, thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài hợp tác kinh doanh lâu dài có mong muốn đầu tư tại tỉnh Trà Vinh; tạo điều kiện, cơ hội cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với bảo vệ, phát triển bền vững, hiệu	Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Các đơn vị có liên quan	Thường xuyên

STT	NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN THỰC HIỆN
	quả ở các vùng, khu vực quan trọng tại địa phương; giữ vững ổn định chính trị, an ninh quốc gia trong các mối quan hệ quốc tế, bảo đảm kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển với tăng cường mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế			
5.6	Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Đề án số 05-ĐA/TU ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị tỉnh Trà Vinh theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Quyết định số 638/QĐ-UBND và Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; Kế hoạch số 139-KH/TU ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Thường xuyên